

**BÁO CÁO**

**sơ kết 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XI)  
“về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp  
công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện  
kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”**

-----

**I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN****1- Việc cụ thể hóa thành kế hoạch, chương trình hành động của tỉnh**

Triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị quán triệt cho các đồng chí cán bộ chủ chốt cấp tỉnh và cấp huyện, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 14-NQ/TU để chỉ đạo triển khai thực hiện trong toàn Đảng bộ. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 3774/KH-UBND, ngày 23/9/2013 chỉ đạo triển khai thực hiện 04 nhiệm vụ chủ yếu của Chương trình hành động số 14-NQ/TU của Tỉnh ủy, đó là: Triển khai các định hướng nhiệm vụ khoa học công nghệ ưu tiên; phát triển năng lực khoa học công nghệ gắn với phát triển thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức và hoạt động khoa học công nghệ; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước về khoa học công nghệ và 22 Danh mục nhiệm vụ cụ thể phân công cho các ngành, địa phương thực hiện.

Trên cơ sở Chương trình hành động của Tỉnh ủy và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc đã tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động của Tỉnh ủy đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân (sau đây gọi tắt là cán bộ và nhân dân) và ban hành văn bản để triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, cấp mình.

Qua quán triệt, đã góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về vị trí, tầm quan trọng của phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

## **2- Những kết quả đạt được sau 03 năm thực hiện Nghị quyết**

### **2.1. Đánh giá tác động của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương**

Qua 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, việc nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ đã có một số chuyển biến rõ nét. Năm 2013, tổng số nhiệm vụ mới và chuyển tiếp là 27 đề tài/dự án; năm 2014, triển khai 13 nhiệm vụ, trong đó, theo phương thức tuyển chọn 09 nhiệm vụ và giao trực tiếp là 04 nhiệm vụ và đã nghiệm thu và bàn giao kịp thời các kết quả nghiên cứu cho các cơ quan trong tỉnh ứng dụng vào thực tiễn; năm 2015, tổng số nhiệm vụ là 27, trong đó, có 07 nhiệm vụ mới chủ yếu là đặt hàng và 20 nhiệm vụ chuyển tiếp từ các năm trước và đã nghiệm thu cấp tỉnh 05 đề tài, dự án đã hết thời gian hợp đồng nghiên cứu. Nhìn chung, các đề tài khoa học công nghệ ngày càng bám sát hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

Tiếp tục hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tạo lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ. Đã triển khai đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “Thanh long Bình Thuận” tại 14 quốc gia và vùng lãnh thổ<sup>(1)</sup>, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “Nước mắm Phan Thiết” tại 03 quốc gia<sup>(2)</sup>. Triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 (*theo mô hình khung của Bộ Khoa học và Công nghệ*) vào hoạt động của 47/47 cơ quan hành chính; 18 xã, phường, thị trấn thành lập Ban chỉ đạo thực hiện theo tiêu chuẩn ISO. Sở Khoa học - Công nghệ đã phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường công tác thông tin khoa học - công nghệ, tổ chức tuyên truyền các quy định pháp luật về an toàn bức xạ hạt nhân, sở hữu trí tuệ; đẩy mạnh kiểm tra hoạt động an toàn bức xạ hạt nhân tại các cơ sở khai thác, chế biến sa khoáng Titan-Zicon trên địa bàn tỉnh; kiểm tra lĩnh vực tiêu chuẩn - đo lường chất lượng...

Đã triển khai thực hiện tốt nội dung của 04 Chương trình khoa học - công nghệ giai đoạn 2011-2015<sup>(3)</sup>; ngoài ra, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các sở, ngành có liên quan và các địa phương tập huấn, chuyển giao các ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ cho các xã, nhất là các xã xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh đó, hoạt động khoa học - công nghệ ở sở, ban, ngành và các địa phương tiếp tục được quan tâm triển khai; các sở, ngành đã thực hiện 62 nhiệm vụ và các địa phương đã thực hiện 33 nhiệm vụ liên quan đến khoa học công nghệ.

---

<sup>(1)</sup> Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Đức, Hà Lan, Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Hong Kong và Đài Loan.

<sup>(2)</sup> Hoa Kỳ, Thái Lan và Campuchia.

<sup>(3)</sup> Chương trình hỗ trợ xây dựng mạng lưới thông tin khoa học - công nghệ và ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ; Chương trình hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể về khoa học - công nghệ; Chương trình thúc đẩy nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh các sản phẩm hàng hoá lợi thế của tỉnh; Chương trình phát triển tài sản trí tuệ

## ***2.2. Đánh giá việc thực hiện các giải pháp trong việc phát triển khoa học và công nghệ của địa phương***

Thực hiện 04 nhiệm vụ chủ yếu trong Chương trình hành động số 14-NQ/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 3774/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh; trên từng lĩnh vực, tỉnh đã ban hành những chương trình, đề án, kế hoạch cụ thể. Trong lĩnh vực công nghiệp có Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chương trình sản xuất sạch hơn và Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; trong lĩnh vực nông nghiệp có chương trình khoa học – công nghệ trọng điểm ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh đến năm 2020, Quy hoạch phát triển cây thanh long tỉnh giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2025; lĩnh vực y tế tập trung vào việc ứng dụng chuyển giao các kỹ thuật cao, hiện đại hóa công tác quản lý bằng công nghệ thông tin; ngành giáo dục và đào tạo tập trung nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến kinh nghiệm về đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới công tác quản lý giáo dục, đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh, sinh viên; lĩnh vực công nghệ thông tin có Kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế đến năm 2020... Sở Khoa học và Công nghệ có kế hoạch phát triển thị trường khoa học - công nghệ đến năm 2020, Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ - thiết bị đối với các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm có lợi thế, Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Điều lệ sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, các ngành, địa phương trong tỉnh rất quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, đặc biệt là đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ chuyên môn giỏi, ngày càng tiếp cận nhanh, kịp thời các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến; đồng thời, kịp thời củng cố, kiện toàn Hội đồng Khoa học - Công nghệ của ngành, địa phương mình bảo đảm thực hiện công tác nghiên cứu, ứng dụng và triển khai các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

## ***2.3. Đánh giá công tác lãnh đạo nghiên cứu khoa học của cấp ủy Đảng***

Sau khi có Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 14-NQ/TU của Tỉnh ủy, việc nhận thức về ứng dụng nghiên cứu khoa học tham mưu cho cấp ủy Đảng có nhiều chuyển biến rõ rệt. Các ban của Tỉnh ủy đã chủ trì hoặc liên kết với các cơ quan chuyên môn làm công tác quản lý, nghiên cứu khoa học thực hiện các đề tài về nắm bắt và xử lý các thông tin của dư luận xã hội. Sử dụng phần mềm công nghệ thông tin để ứng dụng trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng tham mưu, đề xuất Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, bảo đảm sát hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh. Một số cán bộ làm công tác Đảng được mời tham gia làm thành viên Hội đồng tư vấn chuyên ngành của các đề tài, dự án của

Đảng hoặc là thành viên Hội đồng Khoa học - Công nghệ tỉnh, hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả nghiên cứu của các đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn...

## **2. 4. Những kết quả cụ thể**

### **2.4.1 - Lĩnh vực nông nghiệp**

- Đã khảo nghiệm và đưa giống, bộ gen cây trồng, vật nuôi có khả năng thích nghi biến đổi khí hậu vào sản xuất:

+ Trung tâm Nghiên cứu phát triển cây thanh long tiếp tục lưu giữ 34 dòng thanh long ruột đỏ nhằm mục đích bảo tồn nguồn gen; lưu giữ giống thanh long ruột đỏ Long Định 1 do Viện Cây ăn quả Miền Nam chuyển giao; bảo tồn 2 dòng thanh long ruột trắng Bình Thuận D2 và D10. Đã xây dựng đề cương thuyết minh đề tài “Tuyển chọn và du nhập 2 - 3 giống thanh long phù hợp nhằm đa dạng nguồn giống thanh long trên địa bàn tỉnh” thuộc Chương trình khoa học công nghệ trọng điểm tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2015 - 2020. Ngoài ra, Trung tâm tiếp tục phối hợp cùng Công ty Rau quả Bình Thuận đầu tư, hoàn thiện mô hình thanh long ứng dụng kỹ thuật tưới nhỏ giọt và cung cấp dinh dưỡng thông qua hệ thống tưới cho toàn diện tích 18,7 ha, được Tổ chức chứng nhận GlobalGAP đánh giá cao, đã tạo điều kiện nông dân, sinh viên trong và ngoài tỉnh đến tham quan, học tập. Tính đến cuối tháng 6/2015, toàn tỉnh có 411 tổ/nhóm với 9.085 hộ nông dân với 8.357 ha thanh long được công nhận đạt VietGAP. Đang nghiên cứu xác định tác nhân gây bệnh và biện pháp phòng trừ bệnh đốm trắng hại thanh long.

+ Trung tâm Giống cây trồng đã khảo nghiệm các giống lúa (thuần) mới OM 4218, OM 7347, OM 6600, OM 6377, OM 6932,... Qua khảo nghiệm, các giống lúa này đều cho năng suất khá cao, chất lượng tốt và thích nghi với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương. Trong đó, giống lúa OM 6932 có khả năng thích nghi với các vùng đất phèn, mặn; giống lúa ML 54 có khả năng chịu phèn tốt. Ngoài ra, Trung tâm cũng đang sản xuất một số giống lúa có khả năng thích nghi với những biến đổi thất thường của khí hậu như: OM 6162, OM 6161...

+ Trung tâm Giống vật nuôi đã cung cấp 400 heo giống ngoại; 2.000 liềm tinh heo ngoại; 14.000 gà con giống thả vườn. Xây dựng mô hình sản xuất giống heo ngoại; mô hình chăn nuôi bò thâm canh chất lượng tốt; trồng cỏ năng suất cao. Lai tạo, nuôi thuần dưỡng các giống heo ngoại; bò lai Zebu có máu lai cao, đang phát triển tốt và từng bước thích nghi dần với khí hậu khô, nóng của địa phương.

+ Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư đã triển khai thực hiện “Mô hình máy dò ngang” tại phường Mũi Né nhằm xây dựng các mô hình liên kết đánh

bắt xa bờ trên biển, nâng tổng số máy được lắp đặt trong toàn tỉnh lên đến 25 máy; hiệu quả kinh tế mang lại rất cao, vừa tiết kiệm được nhiên liệu, vừa tăng năng suất đánh bắt lên khoảng 150 - 180%. Trung tâm cũng đã triển khai “Mô hình đóng hầm bảo quản sản phẩm bằng vật liệu Polyurethan” cho 03 tàu khai thác tại Phan Thiết và La Gi nhằm nâng cao công nghệ chế biến và bảo quản, tăng giá trị sản phẩm.

+ Ngày 09/10/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quyết định số 2471/QĐ-UBND về các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh thực hiện trong giai đoạn 2014 - 2020.

- Khuyến khích, hỗ trợ đa dạng hóa các sản phẩm chế biến từ thanh long, mủ cây trôm, tiêu biểu là Dự án “*Đầu tư trang thiết bị, chuyển giao công nghệ sản xuất kinh doanh các sản phẩm chế biến từ quả thanh long*” do Công ty TNHH Ròng Xanh thực hiện với tổng kinh phí hơn 23 tỷ đồng, trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ hơn 4 tỷ đồng. Dự án đã sản xuất được một số sản phẩm: nước ép thanh long - nha đam, nước ép thanh long - chanh, nước ép thanh long - dứa; ngoài ra, đã sản xuất thêm sản phẩm nước mủ trôm và đang phát triển thêm sản phẩm mới là thanh long sấy dẻo.

- Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật tỉnh đang tiếp tục triển khai nhiều đề tài, dự án ứng dụng công nghệ và mô hình tưới tiết kiệm nước phục vụ trồng trọt, mô hình chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học; nghiên cứu, chuyển giao các ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phục vụ cho bà con tại các xã nông thôn mới.

#### 2.4.2- Lĩnh vực công nghiệp và ứng dụng công nghệ tiên tiến

##### - Lĩnh vực công nghiệp:

+ Triển khai các dự án điện gió và chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm. Trên địa bàn tỉnh hiện có 15 dự án điện gió với tổng công suất đăng ký đầu tư là 1182 MW; trong đó, có 5 dự án đã được tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư, 10 dự án đã hoàn thành báo cáo đầu tư xin cấp giấy chứng nhận; có 02 dự án hoàn thành việc đầu tư và đưa vào vận hành phát điện với tổng công suất 36 MW: Dự án Phong điện 1 - Bình Thuận (120 MW) tại xã Bình Thạnh và xã Chí Công - huyện Tuy Phong của Công ty TNHH MTV Năng lượng tái tạo Việt Nam và Dự án điện gió Phú Quý (6 MW) tại xã Long Hải và xã Ngũ Phụng - huyện Phú Quý của Công ty TNHH MTV Năng lượng tái tạo Điện lực dầu khí.

Triển khai lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống; đến nay, tỉnh đã có 01 đơn vị phân phối (Công ty CPXDDK Bình Thuận) kinh doanh xăng E5 với 13 cửa hàng; dự kiến sẽ tăng thêm số cửa hàng phân phối, kinh doanh xăng E5 trong thời gian tới.

Trung tâm Khuyến công tỉnh đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai mô hình phòng học sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, phát hành cẩm nang tiết kiệm năng lượng. Ngoài ra, Trung tâm đã tổ chức kết nối giữa Công ty Cổ phần năng lượng Mặt Trời đỏ với Công ty TNHH Hải Nam để triển khai dự án thay thế bóng đèn huỳnh quang T10 - 1,2m công suất 53W bằng bóng đèn Tube LED - 1,2m công suất 18W; vận động doanh nghiệp tham gia cuộc thi Quản lý năng lượng trong công nghiệp và tòa nhà năm 2015 do Tổng cục năng lượng tổ chức.

+ Thực hiện Chương trình khuyến công quốc gia và triển khai chương trình sản xuất sạch hơn trong công nghiệp giai đoạn 2013-2020. Trong Chương trình khuyến công quốc gia, trên địa bàn tỉnh có 02 Đề án được Bộ Công thương phê duyệt, với tổng kinh phí 364 triệu đồng; đó là Đề án hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị sản xuất Soda Ash của Hộ kinh doanh cơ sở sản xuất và chế biến soda Vĩnh Hảo với kinh phí là 164 triệu đồng và Đề án hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị chế biến ván gỗ ghép thanh của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Bình Thuận với kinh phí thực hiện là 200 triệu đồng. Đối với Chương trình sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, đã triển khai hỗ trợ đánh giá nhanh cho 05 cơ sở công nghiệp và tổ chức 01 lớp đào tạo nâng cao cho cán bộ tuyên truyền và đánh giá sản xuất sạch hơn với tổng kinh phí hỗ trợ 160 triệu đồng.

- *Lĩnh vực công nghệ thông tin:* Trung tâm Tích hợp Dữ liệu tỉnh duy trì hoạt động thường xuyên với 3 đường truyền internet<sup>(4)</sup> để hosting các ứng dụng dùng chung của tỉnh. Hệ thống WAN của tỉnh kết nối 33 điểm, hoạt động ổn định và được cấu hình truy cập ưu tiên các ứng dụng dùng chung qua mạng WAN tỉnh. Hệ thống hội nghị truyền hình tiếp tục phục vụ có hiệu quả các cuộc họp trực tuyến. Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh đã đưa vào sử dụng tại 30 đơn vị. Triển khai chữ ký số và đã cấp 323 chứng thư số. Đã xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử của tỉnh theo đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 1.0.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt dự án “Xây dựng phần mềm cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 của tỉnh giai đoạn 2015 - 2016”. Các ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành y tế, trong giáo dục cũng được chú ý đầu tư và triển khai, như hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý và tác nghiệp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh và các bệnh viện huyện; hệ thống quản lý báo cáo thống kê ngành y tế; hệ thống thông tin quản lý của ngành Giáo dục (VnEdu), học tiếng anh trực tuyến cho giáo viên,...

---

<sup>(4)</sup> Leased Line 6.0 Mbps, FTTH 45Mbps và đường truyền Mạng số liệu chuyên dùng (TSLCD) 20Mbps.

- *Lĩnh vực xây dựng*: Đã chỉ đạo nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đô thị bảo đảm mỹ quan, phục vụ du lịch, đồng thời thích nghi với hiện tượng biến đổi khí hậu<sup>(5)</sup>; tiến hành sử dụng khảo sát đo đạc địa hình bằng máy đo điện tử; phát triển công nghệ GIS trong quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị; sử dụng các thiết bị hiện đại<sup>(6)</sup> để kiểm định chất lượng vật liệu và xây dựng công trình; tổ chức tập huấn về sử dụng vật liệu xây không nung trong công trình xây dựng.

- *Lĩnh vực giao thông vận tải*: Đã ứng dụng, phổ biến công nghệ vật liệu mới Carboncor Asphalt trong xây dựng và sửa chữa kết cấu áo đường; triển khai, cập nhật giải pháp khoa học mới về công nghệ thông tin (GIS) nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu, nâng cao hiệu quả công việc quản lý mạng lưới giao thông các đường nội tỉnh.

#### 2.4.3- Các lĩnh vực khác

- *Lĩnh vực dịch vụ-du lịch*: Đã triển khai 02 đề tài: Đề tài “*Du lịch cộng đồng tỉnh Bình Thuận, mô hình và giải pháp phát triển trong giai đoạn tới*” do Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch thực hiện, hiện đang triển khai; Đề tài “*Nghiên cứu sản xuất sản phẩm lưu niệm đặc trưng của tỉnh Bình Thuận phục vụ du lịch*” do Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận thực hiện; đã được nghiệm thu kết quả và đạt loại khá.

- *Lĩnh vực văn hóa xã hội*: Đã thực hiện và nghiệm thu 02 đề tài: Đề tài “*Nghiên cứu luật tục của đồng bào dân tộc thiểu số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống văn hóa cơ sở tỉnh Bình Thuận*” do Bảo tàng Bình Thuận thực hiện, được đánh giá loại Khá; Đề tài “*Sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị loại hình hát ngâm “hari” của tộc người Raglai ở Bình Thuận*” do Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam và Đông Nam Á - Trường Đại học Khoa học - Xã hội và Nhân văn thực hiện, được đánh giá loại xuất sắc.

- *Lĩnh vực y tế*: Đang thực hiện Đề tài “*Khảo sát mối tương quan giữa nồng độ Homocysteine máu và các chỉ số trong hội chứng chuyển hóa ở bệnh nhân đột quỵ tại Bệnh viện tỉnh năm 2012-2014*” do Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận thực hiện. Đã hoàn thành Dự án “*Xây dựng phần mềm báo cáo thống kê Y tế*” với tổng kinh phí 500 triệu đồng; hiện đã đưa vào vận hành, giúp ngành y tế nhanh chóng thu thập, tổng hợp số liệu về y tế trong tỉnh; thời gian đến, số liệu này sẽ là những dữ liệu để xác định mô hình bệnh tật của tỉnh, từ đó định hướng được các chỉ tiêu và giải pháp phát triển của ngành y tế trong kế hoạch ngắn hạn và dài hạn. Ngành y tế đang tiếp tục triển khai các đề tài khoa học cơ sở phục vụ

---

<sup>(5)</sup> phê duyệt các đồ án QHC xây dựng khu ven biển Tân Thành - Hàm Thuận Nam; điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu đoạn từ dự án Kim Ngân đến Nhân Hòa-phường Hàm Tiến-Phan Thiết để phục vụ cho yêu cầu phát triển du lịch.

<sup>(6)</sup> máy siêu âm cốt thép, bê tông, đo độ mặn trong cát, đo cường độ BT và gạch,...

hiệu quả cho công tác chuyên môn; trong 02 năm 2014 và 2015, ngành có 59 đề tài nghiên cứu khoa học và 03 đề tài sáng kiến cải tiến kỹ thuật đạt yêu cầu, năm 2015, đề xuất 133 đề tài nghiên cứu khoa học và 02 đề tài sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang đã hỗ trợ triển khai phần mềm quản lý khám bệnh và điều trị cho Bệnh viện Đa khoa khu vực Nam Bình Thuận, Bệnh viện thành phố Phan Thiết, bệnh viện các huyện Tánh Linh, Hàm Thuận Nam; hàng năm đều được nâng cấp.

- *Trong lĩnh vực giáo dục:* Năm học 2013-2014, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành khảo sát kiến thức và kỹ năng lên lớp của 94 giáo viên thuộc 16/25 trường THPT công lập theo Đề tài “*Khảo sát, đánh giá, xây dựng chất lượng đội ngũ giáo viên Trung học Phổ thông*” để từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng sư phạm đội ngũ giáo viên các trường Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2015, ngành giáo dục đã triển khai viết sáng kiến kinh nghiệm nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy, công tác quản lý. Đến nay, hầu hết các giáo viên đều có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác<sup>(7)</sup>; trong đó, 100% giáo viên các môn Lý, Hoá, Sinh, Toán, Sử, Địa ở các trường Trung học phổ thông đều có khả năng thiết kế bài giảng bằng giáo án điện tử và ứng dụng hiệu quả kết quả của Đề tài “*Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy*”.

- *Lĩnh vực Tài Nguyên và Môi trường:*

Đang triển khai các dự án phục vụ công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; gồm Dự án “*Điều tra đánh giá ô nhiễm môi trường nước sông Giêng, sông Dinh, đề xuất bảo vệ khai thác tại lưu vực*”; Dự án “*Xây dựng mạng lưới quan trắc chất lượng nước lưu vực sông La Ngà*”; Dự án “*Điều tra, đánh giá, phân loại các nguồn gây ô nhiễm và đề xuất các giải pháp quản lý, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước lưu vực sông La Ngà*” và Dự án “*Khảo sát, đánh giá các tác động do hoạt động khai thác titan-zircon đến môi trường và đời sống người dân tại khu vực Long Sơn-Suối nước*”. Khuyến khích các cơ sở sản xuất áp dụng công nghệ xử lý ô nhiễm, tái sử dụng và tái chế chất thải; quan tâm đến các giải pháp sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường. Khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học – công nghệ phục vụ công tác bảo vệ môi trường; đa dạng hoá các loại hình công nghệ sử dụng và bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tập trung xây dựng và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong khu dân cư; trong đó chủ yếu vào các xã bị ô nhiễm môi trường và các xã điểm xây

---

<sup>(7)</sup> như: soạn giáo án điện tử, truy cập internet tìm tài liệu tham khảo, nhập và quản lý điểm bằng chương trình SMAS, V.EMIS...



dựng nông thôn mới, tập trung vào việc tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường. Ngoài ra, Chi cục Bảo vệ môi trường đã tổ chức các lớp tập huấn về chi phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp cho 110 cơ sở sản xuất; phối hợp với Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch tổ chức hội nghị triển khai các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh cho 150 doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1175/QĐ-UBND triển khai 20 dự án liên quan đến công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, giai đoạn 2012 - 2015, trong đó có 08 dự án công trình và 12 dự án phi công trình; đã có 03 dự án phi công trình hoàn thành bao gồm: Dự án đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến huyện Phú Quý, từ đó đề xuất các biện pháp thích ứng; Dự án xác định lựa chọn các biện pháp ứng phó và phòng ngừa biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh và Dự án xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu cho ngành nông, lâm, thủy sản.

### **3- Đánh giá chung**

#### **3.1. Ưu điểm**

- Sau 03 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chương trình hành động số 14-NQ/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 3774-KH/UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh; các cấp ủy đảng, các ngành, các địa phương đã tăng cường lãnh đạo hoạt động khoa học - công nghệ, ngày càng quan tâm xây dựng kế hoạch ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, xem đây là một nội dung quan trọng của kế hoạch phát triển ngành, địa phương mình; đồng thời, đã thực hiện nghiêm túc 04 nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm của Chương trình hành động số 14-NQ/TU của Tỉnh ủy, Kế hoạch 3774-KH/UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh; nhận thức về tầm quan trọng của việc ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống trong cán bộ, đảng viên và phần lớn nhân dân được nâng lên rõ rệt.

- Các kết quả nghiên cứu từ các đề tài, dự án được đưa vào ứng dụng nhiều hơn, mang lại kết quả thiết thực; việc ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ ngày càng rộng rãi trong thực tiễn, nhất là các ngành nông nghiệp, y tế và giáo dục; nguồn lực đầu tư cho khoa học - công nghệ ngày càng nhiều hơn, đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học - công nghệ ngày càng trưởng thành; hoạt động khoa học - công nghệ trong các trường học, đơn vị sự nghiệp từng bước đổi mới; công tác quản lý nhà nước về khoa học - công nghệ có nhiều tiến bộ. Kết quả thể hiện rõ nhất thông qua việc năng suất, chất lượng của cây trồng, con nuôi tăng lên đáng kể, sức cạnh tranh của các sản phẩm làm ra nhất là các sản phẩm có lợi thế của tỉnh cũng ngày càng tăng thêm, từ đó góp phần tăng thu nhập cho người dân,

tạo được nhiều việc làm, nâng cao mức sống, góp phần vào tăng nguồn ngân sách chung của tỉnh.

- Công tác xã hội hoá trong hoạt động khoa học - công nghệ bước đầu được đẩy mạnh trong các doanh nghiệp. Các cơ sở giáo dục, y tế tư nhân đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị để phục vụ giảng dạy và khám chữa bệnh. Hoạt động thống kê khoa học - công nghệ, hướng dẫn thành lập quỹ phát triển doanh nghiệp, chứng nhận và nộp lưu trữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học - công nghệ có sử dụng một phần ngân sách nhà nước, toàn bộ ngân sách nhà nước được triển khai có hiệu quả.

### **3.2. Khuyết điểm, hạn chế**

- Một số cấp ủy đảng, ngành, địa phương chưa quan tâm lãnh đạo triển khai thực hiện và kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Trung ương, Chương trình hành động số 14-NQ/TU của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 3774-KH/UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh; chưa có nhiều biện pháp để hỗ trợ, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ của ngành, địa phương mình tham gia nghiên cứu khoa học.

- Văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Khoa học - công nghệ sửa đổi năm 2013 ban hành chậm đã ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học - công nghệ; cơ chế, chính sách để thu hút đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ trẻ có trình độ và tay nghề cao công tác trong các cơ quan nhà nước còn khó khăn, nhất là trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Nguồn lực đầu tư của xã hội cho khoa học - công nghệ nhìn chung vẫn còn thấp; kinh phí sự nghiệp khoa học - công nghệ bố trí trong năm thấp nên ảnh hưởng đến triển khai các nhiệm vụ. Công tác xã hội hoá hoạt động nghiên cứu, ứng dụng các đề tài, dự án khoa học - công nghệ còn hạn chế; chưa hình thành được doanh nghiệp khoa học - công nghệ tại địa phương; nhiều doanh nghiệp chưa chú trọng đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, hỗ trợ sáng tạo kỹ thuật, chậm đổi mới công nghệ trong quá trình sản xuất. Hoạt động của Quỹ phát triển khoa học - công nghệ còn khó khăn.

- Hiệu quả hoạt động khoa học - công nghệ nhìn chung chưa cao, một số đề tài, dự án sau khi nghiên cứu nhưng gặp khó khăn trong triển khai chưa có tính liên kết mang tính vùng, miền, chưa có sự chủ động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học - công nghệ. Công tác đăng ký, đề xuất các nhiệm vụ khoa học - công nghệ của một số ngành chưa đáp ứng kịp thời, chưa sát với nhu cầu thực tế; công tác quản lý các nhiệm vụ khoa học - công nghệ tuy đã có đổi mới, nhưng chưa khuyến khích được các tổ chức, các nhà khoa học có nhiều sáng tạo và chuyển giao những tiến bộ khoa học - công nghệ mới vào tỉnh; quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ chưa chú trọng đến chất lượng sản phẩm đầu ra và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

- Thị trường khoa học - công nghệ chưa được hình thành đầy đủ; hoạt động mua, bán thiết bị - công nghệ và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học - công nghệ còn yếu. Thiếu các chuyên gia đầu đàn giỏi trong những lĩnh vực kinh tế trọng điểm của tỉnh; nhiều nơi, cán bộ khoa học - công nghệ chủ yếu làm công tác hành chính, quản trị của cơ quan; trình độ ngoại ngữ của phần đông cán bộ khoa học - công nghệ còn yếu; cán bộ khoa học - công nghệ trẻ tuy có tăng nhưng số đông chưa quan tâm nhiều đến hoạt động nghiên cứu khoa học; cơ cấu nhân lực khoa học - công nghệ theo ngành nghề và khu vực chưa hợp lý.

**\* Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm**

- Một số cấp ủy đảng chưa sâu sát trong quá trình cụ thể hoá và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chương trình hành động số 14-NQ/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 3774/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh; một số cán bộ lãnh đạo chưa nhận thức đúng về tầm quan trọng của đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là trong khâu đánh giá, trọng dụng, đề bạt các cán bộ khoa học - công nghệ giỏi vào các chức danh lãnh đạo, quản lý; vẫn còn một số ngành chưa đưa nhiệm vụ phát triển khoa học - công nghệ vào chương trình, kế hoạch phát triển của ngành.

- Công tác quản lý hoạt động khoa học - công nghệ, nhất là ở cấp cơ sở còn nhiều hạn chế; hiện nay cấp huyện vẫn chưa thành lập được phòng khoa học - công nghệ; đội ngũ khoa học - công nghệ nhìn chung còn thiếu và yếu.

- Chính sách đầu tư và cơ chế cấp phát tài chính cho khoa học - công nghệ chưa tạo được nhiều thuận lợi để phát huy nguồn lực, năng lực sáng tạo và đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào ứng dụng thực tiễn; cơ chế tự chủ về tài chính của các tổ chức khoa học - công nghệ chưa gắn liền với tự chủ về quản lý nhân lực nên hiệu quả còn thấp; điều kiện làm việc của đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu; công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ còn dàn trải, chưa có định hướng chung để lập kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng ngành, lĩnh vực.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI**

### **1- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước đối với sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ**

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 (sửa đổi), Nghị quyết số 46/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động số 14-NQ/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 3774/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh. Bằng các hình thức phù hợp, tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền việc thực hiện Nghị quyết; phổ biến sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao hơn nữa về

nhận thức cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và cộng đồng nhân dân về tầm quan trọng của việc phát triển khoa học - công nghệ.

- Tăng cường lãnh đạo, quản lý hoạt động khoa học - công nghệ, xây dựng chương trình hành động hoặc kế hoạch thực hiện cụ thể, sát hợp với thực tiễn của từng ngành, địa phương trong việc ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, xem đây là một nội dung quan trọng trong kế hoạch phát triển của từng ngành, địa phương.

## **2- Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học – công nghệ**

- Tiến hành thống kê khoa học - công nghệ hàng năm theo Thông tư số 23/2011/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu lãnh đạo, quản lý, dự báo, quy hoạch, chính sách phát triển, sản xuất kinh doanh. Đồng thời, triển khai đồng bộ các Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học - công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở.

- Đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học - công nghệ, cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm khoa học - công nghệ cuối cùng theo quy định. Áp dụng cơ chế linh hoạt trong cấp phát, quản lý tài chính để thực hiện các nhiệm vụ khoa học - công nghệ. Tiếp tục thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ về tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học - công nghệ công lập. Tạo điều kiện để các tổ chức khoa học - công nghệ được vay vốn từ các quỹ phát triển khoa học - công nghệ hoặc các tổ chức tín dụng. Cử giáo viên tham gia đào tạo nâng cao trình độ tiếng Anh theo Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 theo chuẩn châu Âu.

- Đánh giá kết quả triển khai Chương trình khoa học - công nghệ giai đoạn 2011-2015<sup>(8)</sup>, trên cơ sở đó, đề xuất các Chương trình phù hợp trong giai đoạn 2016-2020. Tăng cường tổ chức các hội thảo khoa học - công nghệ; tăng cường mức đầu tư cho nghiên cứu phát triển khoa học - công nghệ và ứng dụng vào thực tiễn.

## **3- Định hướng nhiệm vụ khoa học - công nghệ chủ yếu**

- Ứng dụng công nghệ và mô hình tưới tiết kiệm nước phục vụ trồng trọt; mô hình chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, các giải pháp công nghệ sinh học để xác định và phòng chống các loại bệnh nguy hiểm, sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững. Ưu tiên triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào các xã theo Chương trình xây dựng nông thôn mới. Nghiên cứu đa dạng hóa các sản phẩm chế biến từ trái thanh long, mủ cây

---

<sup>(8)</sup> Gồm: (1) Chương trình hỗ trợ xây dựng mạng lưới thông tin khoa học – công nghệ và ứng dụng chuyên giao tiến bộ khoa học – công nghệ; (2) Chương trình hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể về khoa học – công nghệ; (3) Chương trình thúc đẩy nâng suất chất lượng và năng lực cạnh tranh các sản phẩm hàng hóa lợi thế của tỉnh; (4) Chương trình phát triển tài sản trí tuệ. (5) Chương trình hành động triển khai Đề án TBT giai đoạn 2011-2015.

trôm; chế biến sâu sản phẩm mủ cao su; ứng dụng các biện pháp sản xuất an toàn, công nghệ sạch trong bảo quản, chế biến hàng nông, hải sản để đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm sạch cho tiêu dùng và xuất khẩu .

- Triển khai xây dựng Đề án khung các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh thực hiện trong giai đoạn 2014 - 2020. Ứng dụng công nghệ GIS để phát triển kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực quản lý. Xây dựng và áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO theo tiêu chuẩn 9001: 2008 trong cơ quan nhà nước. Triển khai và khai thác hiệu quả các phần mềm ứng dụng như: Hệ thống mail công vụ, hệ thống “Một cửa điện tử liên thông”, hệ thống quản lý văn bản và điều hành, các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 triển khai theo lộ trình đã phê duyệt.

#### **4- Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ**

- Nâng cao tiềm lực khoa học - công nghệ trong các lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, công nghệ thông tin, giáo dục, y tế,... đáp ứng với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thực hiện Quyết định số 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Chính phủ về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng lực các trung tâm, trạm, công trình... thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; theo đó, xây dựng 03 Dự án: Dự án Nâng cao năng lực Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Tiến bộ KH-CN; Dự án nâng cao năng lực Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Dự án xây dựng công trình Trạm Quan trắc và Cảnh báo phóng xạ môi trường. Tiến hành xây dựng Dự án Khu ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất sản phẩm theo hướng hàng hóa; theo đó, triển khai xây dựng 04 Khu ở các vùng tiểu khí hậu đặc trưng của tỉnh với quy mô từ 20-30 ha. Quy hoạch phát triển cây thanh long tỉnh giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2025; thực hiện quy trình sản xuất thanh long ứng dụng công nghệ cao và mô hình trồng thanh long leo giàn.

- Tiếp tục thực hiện Đề án đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ ở nước ngoài bằng ngân sách tỉnh theo Quyết định số 16/2007/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thực hiện Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030. Tập trung huy động các nguồn lực, khai thác tốt tiềm năng của tỉnh, thu hút đầu tư để tỉnh sớm trở thành thành trung tâm năng lượng, trung tâm du lịch - thể thao mang tầm quốc gia và chuẩn bị các điều kiện từng bước hình thành trung tâm chế biến sâu sa khoáng ti tan. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào quá trình dạy và học của các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh.

#### **5- Phát triển thị trường khoa học và công nghệ**

Triển khai kế hoạch phát triển thị trường khoa học - công nghệ, đẩy mạnh các chính sách thu hút để tăng cường xã hội hóa các hoạt động khoa học - công nghệ, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các cơ sở dịch vụ kỹ thuật,

khoa học - công nghệ, bao gồm: các dịch vụ môi giới, chuyển giao, tư vấn, đánh giá và định giá công nghệ và các lĩnh vực đo lường chất lượng, đăng kiểm các phương tiện vận tải cơ giới... phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Xây dựng, phát triển các tổ chức dịch vụ tư vấn về sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ.

### **6- Hợp tác và hội nhập khu vực và quốc tế về khoa học và công nghệ**

Tăng cường hợp tác với các trung tâm, viện nghiên cứu, các Trường Đại học có uy tín trong và ngoài nước trong lĩnh vực khoa học - công nghệ. Huy động có hiệu quả các nguồn lực tài chính cho hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học - công nghệ; tăng cường nguồn lực thông tin phục vụ hội nhập quốc tế về khoa học - công nghệ. Thúc đẩy đổi mới công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao nhằm nâng cao tính cạnh tranh của một số sản phẩm lợi thế của địa phương. Xúc tiến thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh. Đẩy mạnh các hoạt động hội nhập quốc tế trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn đo lường chất lượng./-

#### Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng + T 79;
- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh;
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc;
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Mạnh Hùng**